

Số: 10/2022/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 10 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 278/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vinh Long.

- *Bị đơn*: 1/ Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1954.

2/ Bà **Đồng Thị S**, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Võ Văn T và bà Đồng Thị S có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị H số tiền hui còn nợ 29.400.000đ (*Hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp 367.500đ (*Ba trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng*). Nhưng bà H thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho bà Bấy theo quy định tại điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Ông Võ Văn T và bà Đồng Thị S có nghĩa vụ nộp 367.500đ (*Ba trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng*). Nhưng ông T và bà S thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho ông T và bà Sáu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An